BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Công nghệ giáo dục **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**35**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		2
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		2
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
2.1. Học phần thể chất bắt buộc			**2**						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1		15				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	1		15		GE4306		2
2.2. Học phần thể chất tự chọn			**1**						
1	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
7	GE4347	Pickleball	1		30		GE4306		3
III. Đại cương chung			**21**						
3.1. Học phần đại cương bắt buộc			**17**						
1	ET4500	Nhập môn Công nghệ Giáo dục	1	15					1
2	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
3	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
4	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	20	20				1
5	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
7	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
8	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4056		4
3.2. Học phần đại cương tự chọn			**4**						
1	ET4001	Mỹ thuật cơ bản	2	20	20				4
2	ET4002	Công cụ xử lý hình ảnh	2	15	30				4
3	ET4003	Quản trị học đại cương	2	30					5
4	ET4004	Khởi nghiệp sáng tạo	2	30					5
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**100**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**12**						
1	ET4005	Tin học đại cương	2	15	30				1
2	GE4045	Tâm lý học giáo dục	2	30					1
3	GE4017	Giáo dục học	2	30					2
4	ET4042	Lý luận và phương pháp dạy học	2	30					3
5	ET4043	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục	2	30			ET4012		4
6	GE4111	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục	2	30					4
II. Kiến thức cơ sở ngành			**22**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**18**						
1	ET4007	Toán rời rạc	3	45					1
2	ET4008	Lập trình cơ sở	3	30	30				2
4	ET4012	Xác suất thống kê cho giáo dục	2	30					2
5	ET4013	Đại số tuyến tính	2	30					3
3	ET4011	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	30		ET4008		3
7	ET4010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2	20	20				4
6	ET4009	Hệ điều hành và mạng máy tính	3	30	30				4
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			**4**						
1	ET4026	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	2	20	20		ET4042		4
2	ET4015	Đồ họa hình động 2D, 3D	2	20	20				4
3	ET4016	Ứng dụng CNTT trong quản trị nhà trường	2	30					3

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
4	ET4017	Công nghệ dạy học	2	20	20				3
III. Kiến thức chuyên ngành			**39**						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**29**						
1	ET4018	Cơ sở dữ liệu	3	30	30				3
2	ET4019	Lập trình hướng đối tượng	3	30	30		ET4008		4
3	ET4021	Công nghệ phần mềm	2	30			ET4011 ET4018		5
4	ET4014	Phát triển chương trình trong giáo dục	2	30			ET4042		5
5	ET4023	Thiết kế trò chơi số	3	30	30		ET4008		5
6	ET4020	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	3	30	30		ET4007 ET4013		5
7	ET4022	Lập trình web và ứng dụng	3	30	30		ET4010 ET4021		6
8	ET4024	E-Learning	3	30	30		ET4042		6
9	ET4029	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ giáo dục	3	45					6
10	ET4025	Quản trị hệ thống mạng Windows	3	30	30		ET4009		6
11	ET4028	Đồ án môn học	1	2	26		ET4022 ET4024 ET4025 ET4043		7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**10**						
1	ET4044	Văn bản lưu trữ	3	30	30		ET4005		5
2	ET4030	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì hệ thống máy tính	3	30	30				6
3	ET4027	Công nghệ thực tế ảo	3	30	30		ET4011		5
4	ET4036	Thực tế ảo tăng cường	3	30	30		ET4011		6
5	ET4031	Phân tích trực quan và dữ liệu	3	30	30		ET4011		7
6	ET4032	Lập trình Robotics trong giáo dục	3	30	30		ET4023		7
7	ET4045	Nhập môn Lập trình di động	3	30	30		ET4019		7
8	ET4039	Python và ứng dụng trong giáo dục	3	30	30		ET4019		7
9	ET4102	Chuyên đề Pháp luật trong ngành Công nghệ giáo dục	1	15					7
IV. Khối kiến thức truyền thông trong giáo dục			**12**						
1	ET4035	Thiết kế nhiếp ảnh và thiết kế thương hiệu	3	30	30				5
2	ET4037	Giáo dục STEM	3	30	30		ET4042		6
3	ET4040	Hệ thống quản lý học tập thế hệ tương lai	3	30	30		ET4024		7
4	ET4038	Truyền thông số trong giáo dục	3	30	30		ET4042 ET4035		7
V. Khối kiến thức nghiệp vụ nghề nghiệp			**9**						
1	ET4491	Thực tập cơ sở	3		180		ET4022 ET4023 ET4024 ET4037		7
2	ET4407	Thực tập tốt nghiệp	6		240		ET4027 ET4025 ET4040		8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế			**6**						
6.1. Khóa luận tốt ngiệp			**6**						
1	ET4298	Khóa luận tốt nghiệp	6		180		ET4028 ET4037 ET4038 ET4040		8
6.1. Thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**						
1	ET4100	Các công nghệ giáo dục tiên tiến	3	30	30		ET4040		8
2	ET4101	Phát triển ứng dụng đa phương tiện trong giáo dục	3	30	30		ET4022		8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	**1655**	**1838**				
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			103						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			18						